

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/DS-PT
Ngày: 10-01-2025
V/v “Đòi lại tài sản và tranh
chấp quyền sở hữu tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thọ.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Hùng.
Ông Nguyễn Hữu Bằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Chúc – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Phùng Bích Tuyền
- Kiểm sát viên trung cấp tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 282/2024/TLPT-DS ngày 12 tháng 11 năm 2024 về “Tranh chấp đòi lại tài sản và tranh chấp quyền sở hữu tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 157/2024/DS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 292/2024/QĐPT-DS ngày 25 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Dương Trung H, sinh năm 1963.

Người đại diện hợp pháp của ông Dương Trung H: Ông Dương H1, sinh năm 1981 – Là đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ngày 21/11/2023), có mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp của ông Trần Văn T: Ông Nguyễn Lê N, sinh năm 1991- Là đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ngày 28/12/2023), có mặt.

Địa chỉ: Tổ A, ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Dương Mỹ P, sinh năm 1985, có mặt.

Địa chỉ: Ấp A, xã V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

4. Người làm chứng:

4.1. Ông Lưu Lê T1.

Địa chỉ: khu V, phường V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

4.2. Ông Dương T2.

Địa chỉ: khu V, phường V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

4.3. Ông Dương P1.

Địa chỉ: ấp A, xã V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

5. Người kháng cáo: Bị đơn ông Trần Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn ông Dương Trung H và người đại diện cho nguyên đơn ông Dương H1 cùng thống nhất trình bày: Ông Dương Trung H có kho để chứa hàng hóa trên phần đất diện tích 171m², thuộc thửa 167, 168, tờ bản đồ số 51, đất tại khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Năm 2018, ông H cho vợ chồng con gái là Dương Mỹ P và con rể là Trần Văn T mượn chứa hàng hóa. Vào ngày 11/8/2023, bà P và ông T đã ly hôn theo Quyết định của Tòa án. Sau đó, Trần Văn T quản lý và đề nghị thuê lại nhưng ông Dương Trung H không đồng ý, ông H có yêu cầu ông T trả lại kho chứa hàng nhưng ông T hứa trả mà không thực hiện. Nay, ông Dương Trung H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn T phải di dời hàng hóa trả lại phần đất và kho chứa hàng nêu trên.

Bị đơn ông Trần Văn T3 do ông Nguyễn Lê N đại diện trình bày: Thừa nhận phần đất diện tích 171m², thuộc thửa 167, 168, tờ bản đồ số 51, đất tại khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang của ông Dương Trung H đứng tên. Năm 2018, ông H kêu ông T về cất cái kho trên phần đất của ông H để chứa hàng hóa. Ông T đã xây dựng kho với chi phí gần 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng). Năm 2021, ông T có sửa chữa lại kho. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Dương Trung H, ông T đồng ý trả lại phần đất, kho chứa hàng là do ông T bỏ tiền xây dựng nên yêu cầu ông Dương Trung H phải có trách nhiệm trả lại giá trị tài sản trên đất theo Chứng thư thẩm định giá.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Mỹ P trình bày: Vào năm 2018, ông Dương Trung H là cha ruột của bà có mua 02 nền đất tại đường số G thuộc khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang để xây cất kho cho vợ chồng bà mượn chứa hàng hóa. Do ông H không có thời gian nên nhờ bà và ông T tìm thợ để thi công làm nền và tới lui xem tiếp ông H. Sau khi làm nền xong, ông H có nhờ bà xuống nhà lấy 200.000.000 (hai trăm triệu đồng), đưa ông T trả tiền nền 100.000.000 (một trăm triệu đồng) và ông Dương P1 100.000.000 (một trăm triệu đồng). Phần đất và kho chứa hàng trên đất là của ông Dương Trung H, đề nghị Tòa án giải quyết trả lại cho ông H. Bà không có yêu cầu gì trong vụ án.

Tại cấp sơ thẩm, những người làm chứng gồm:

- Ông Dương P1 trình bày: Năm 2018, ông H có liên hệ cửa hàng ông tại phường V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang để giao vật tư xây dựng tại khu vực 1, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang với số lượng vật tư theo yêu cầu của ông Trần Văn T con rể ông H. Sau khi giao hàng khoảng 30 ngày sau thì bà Dương Mỹ P đến trả số tiền 110.000.000 (một trăm mười triệu đồng).

- Ông Dương T2 trình bày: Năm 2018, ông Dương Trung H có kêu ông xây dựng căn nhà tiền chế (kho để chứa hàng) trên phần đất của ông H tại khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Ông đứng ra trực tiếp thuê thợ làm cho

ông H, không liên quan gì ông Trần Văn T. Ông biết được cất nhà tiền chế để cho vợ chồng bà Dương Mỹ P chứa hàng. Tiền công thợ toàn bộ ông H trả khoảng 100 triệu đồng, không phải ông Trần Văn T trả.

Ông Lưu Lê T1 trình bày: Ông có thi công cho ông T các hạng mục gồm khoan nhồi 15 cây x 21m/cây, đơn giá 100.000đồng/m² và phần móng, đà và nền diện tích 151m², tổng giá trị là 84.350.000 đồng. Các vấn đề khác, không liên quan đến ông T1, trong quá trình thi công, ông có gặp ông Dương Trung H.

Tại bản án sơ thẩm số 157/2024/DS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang tuyên xử như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Trung H do ông Dương H1 làm đại diện.

Buộc ông Trần Văn T có trách nhiệm giao trả lại cho ông Dương Trung H phần đất tổng diện tích 171m² (loại đất ODT) thuộc thửa số 167, thửa đất số 168 thuộc tờ bản đồ số 51 và toàn bộ tài sản gắn liền với đất là căn nhà tiền chế có diện tích 9 x 17 (m); kết cấu khung cột thép tiền chế, mái tole, vách tole, nền lót gạch men (trong đó có gác lửng sàn ván gỗ tạp diện tích 9 x 12,5 (m) và mái che có kích thước 2,8 x 9 (m); kết cấu khung cột thép tiền chế, mái tole, nền láng xi măng, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất do ông Dương Trung H đứng tên. Đất và nhà tiền chế tại khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. (kèm theo Mạnh trích đo đạc).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 08 tháng 08 năm 2024, ông Trần Văn T làm đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 157/2024/DS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bị đơn, lý do đưa ra:

Nhà của ông H xây cất để cho con cái chứa hàng hóa mà không có mục đích nào khác. Do đây là tài sản của ông H nên ông H không cần giấy tờ gì chứng minh. Tiền bà P trả vật liệu xây dựng là tiền của ông H đưa.

- Người đại diện hợp pháp cho bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo với các căn cứ:

Tiền xây dựng nhà là tiền của ông T bỏ ra. Về phía ông H cho rằng tiền xây dựng nhà là do ông H bỏ ra, theo quy định của pháp luật thì người khởi kiện phải có nghĩa vụ chứng minh, tuy nhiên ông H không có gì chứng minh trong khi chỉ căn cứ vào hai lời khai của ông Dương P1 và ông Dương T2 nhưng họ đều là anh em ruột của ông H nên không khách quan.

Cả ông H và bà P đều thừa nhận có ông T1 là người làm nền, móng nhà kho. Về phía ông T1 khai ông T là người thuê và trả tiền cho ông T1. Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm, bà P cũng thừa nhận vào năm 2021, ông T đã sửa chữa lại nền nhà, thay nền xi măng bằng gạch men. Nếu nhà của ông H thì khi sửa ông H phải biết và ông T cũng phải xin phép ông H mới được sửa.

Về kết cấu nhà: Phía ông H cho rằng xây cất nhà nhưng lại không biết kết cấu nhà.

Về giá trị căn nhà, ông H khai không chính xác vì H khai xây cất trị giá hơn 200.000.000 đồng trong khi định giá còn lại 60% giá trị căn nhà cũng đã hơn 200.000.000 đồng.

Nguyên đơn cho rằng bị đơn khó khăn nên nguyên đơn cất nhà cho bị đơn là không đúng vì năm 2018, ông T đã mua được 03 nền trong đó bà P đứng tên 01 nền và ông T đứng tên 02 nền.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Mỹ P trình bày:

Bà trả tiền cho ông P1 và đưa cho ông T 100.000.000 đồng là tiền của ông H đưa cho chị P. Đối với căn nhà ở khu vực 1, vợ chồng bà ở là cha mẹ bà cho mượn tiền để mua. Đến năm 2021, vợ chồng chị mới mua thêm được hai nền nhà trị giá khoảng 2.000.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng ông T được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị nhà kho, do bà P không yêu cầu gì trong vụ án nên ông H có trách nhiệm giao cho ông T số tiền $\frac{1}{2}$ giá trị của nhà kho.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Trần Văn T kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp: Xét thấy ông Dương Trung H khởi kiện ông Trần Văn T trả lại phần đất và nhà kho xây dựng trên đất vì cho rằng ông có cho ông T mượn nhà kho để chứa hàng hóa trên phần đất diện tích 171m², thuộc thửa 167, 168, tờ bản đồ số 51, đất tại khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông H. Tuy nhiên về phía ông T thừa nhận phần đất là của ông H cho mượn nhưng nhà kho là của ông T xây dựng nên cần xác định quan hệ tranh chấp là “Đòi lại tài sản cho mượn và tranh chấp về quyền sở hữu tài sản trên đất”. Cấp sơ thẩm chỉ xác định quan hệ tranh chấp về “quyền sử dụng đất” là chưa chính xác. Hội đồng xét xử điều chỉnh lại phần này.

[2]. Về nội dung vụ án: Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Đối với diện tích 171m², thuộc thửa 167, 168, tờ bản đồ số 51, đất tại khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông H. Ông H và ông T đều thống nhất đây là khối tài sản của ông H, không tranh chấp và ông T đồng ý trả lại cho ông H.

[2.2]. Về nhà kho trên đất, hai bên thống nhất được cất vào năm 2018. Sau khi cất xong thì ông T là người sử dụng kho để chứa hàng hóa buôn bán. Tuy nhiên, ông

H cho rằng nhà kho là của ông cất và cho vợ chồng ông T mượn, về phía ông T lại xác định ông H cho ông T mượn đất, còn nhà kho là do vợ chồng ông T xây cất.

Xét thấy, mặc dù nhà kho được xây dựng trên đất của ông H nhưng ông T lại là người quản lý, sử dụng từ khi nhà kho được xây cất. Khi xây cất không xin giấy phép xây dựng, chưa được cơ quan có thẩm quyền chứng nhận quyền sở hữu nhà, công trình trên đất nên không có giấy để xác định người đứng tên quyền sở hữu đối với nhà kho.

Tuy nhiên, xét về quá trình xây dựng căn nhà, theo lời khai của ông Lưu Lê T1 thì ông T là người trực tiếp thuê ông Lê T1 làm móng với số tiền 84.350.000 đồng. Bà P cũng thừa nhận ông T là người thuê và trả tiền làm nền, móng cho ông T1.

Đối với tiền vật liệu xây dựng trả cho ông Dương P1, tất cả các đương sự thừa nhận cũng do bà Dương Mỹ P trực tiếp chi trả cho ông Dương P1 với số tiền 110.000.000 đồng.

Mặc dù, hai khoản tiền trên bà P, ông H khai là của ông H đưa cho bà P để trả tiền vật liệu xây dựng cho ông Dương P1 và đưa cho ông T 100.000.000 đồng để trả tiền thợ nhưng không được sự thừa nhận của ông T. Trong khi đó, ông H, bà P không có gì chứng minh số tiền này là của ông H đưa cho bà P nên xác định hai khoản tiền 194.350.000 đồng là tiền của ông T, bà P.

Ngoài ra, ông T cho rằng vào năm 2021, ông T cũng đã tiến hành sửa chữa lại nhà kho, cụ thể là sửa chữa nền, gác lửng và mái che. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà P thừa nhận vào năm 2021 thì ông T có sửa chữa nhà kho (từ nền lán xi măng chuyển sang gạch ceramic). Theo lời khai của ông Lương Quốc T4 cũng xác định ông T là người đã thuê ông sửa chữa nhà kho với chi phí khoảng 100.000.000 đồng.

Riêng tiền thuê nhân công xây dựng, ông Dương T2 cho rằng được ông H đưa tiền để ông T2 trả tiền công khoảng 100.000.000 đồng nhưng không được ông T thừa nhận, ông T2 không có gì chứng minh khoản tiền là của ông H đưa cho ông T2. Mặt khác, giữa ông T2 và ông H là anh em ruột với nhau nên lời khai của ông T2 cũng không khách quan.

Từ các phân tích trên, có căn cứ để xác định vợ chồng ông T là người bỏ tiền và đứng ra xây dựng nhà kho. Nguyên đơn ông H khởi kiện nhưng không có gì chứng minh ông H đã bỏ số tiền xây dựng nhà kho. Cấp sơ thẩm căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông H đứng tên để cho rằng nhà kho là của ông H mà không căn cứ vào số tiền thực tế các bên đã trực tiếp chi trả khi xây dựng nhà kho là không chính xác. Do đó, cần sửa bản án sơ thẩm, do bà P đề nghị xác định quyền sở hữu nhà kho cho ông H và không yêu cầu phân chia trong vụ án nên cần chia đôi giá trị nhà kho và ông T được hưởng 01 phần tương ứng số tiền 115.687.575 đồng (đã trừ phần mái che nguyên đơn cho rằng bị đơn đã tự di dời). Ông H là người quản lý nhà kho thì có trách nhiệm giao trả số tiền cho ông T.

[3]. Xét kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn T là có cơ sở chấp nhận một phần.

[4]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5]. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Dương Trung H phải chịu nhưng được miễn do trường hợp người cao tuổi. Ông Trần Văn T phải chịu số tiền 300.000 đồng.

[6]. Chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản 13.750.000 đồng (mười ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), Ông Dương Trung H và ông Trần Văn T mỗi người phải chịu 6.875.000 đồng, ông H đã nộp xong, ông T có nghĩa vụ nộp 6.875.000 đồng để hoàn trả lại cho ông Dương Trung H.

[7]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không đề cập xem xét có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các điều 158, 163, 207, 221, 494 Bộ luật Dân sự;

Điều 33, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn T.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 157/2024/DS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Trung H.

Buộc ông Trần Văn T có trách nhiệm giao trả lại cho ông Dương Trung H phần đất tổng diện tích 171m² (loại đất ODT) thuộc thửa số 167, thửa đất số 168 thuộc tờ bản đồ số 51 và toàn bộ tài sản gắn liền với đất là căn nhà tiền chế có diện tích 9 x 17 (m); kết cấu khung cột thép tiền chế, mái tole, vách tole, nền lót gạch Ceramic (trong đó có gác lửng sàn ván gỗ tạp diện tích 9 x 12,5 (m) và mái che có kích thước 2,8 x 9 (m); kết cấu khung cột thép tiền chế, mái tole, nền láng xi măng, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất do ông Dương Trung H đứng tên. Đất và nhà tiền chế tại khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang, (kèm theo Mảnh trích đo đạc).

Buộc nguyên đơn ông Dương Trung H có nghĩa vụ trả cho bị đơn ông Trần Văn T số tiền 115.687.575 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông H được miễn do trường hợp người cao tuổi. Ông H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 000685 ngày 21/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh. Ông Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản 13.750.000 đồng (mười ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), Ông Dương Trung H và ông Trần Văn T mỗi

người phải chịu 6.875.000 đồng, ông H đã nộp xong, ông T có nghĩa vụ nộp 6.875.000 đồng để hoàn trả lại cho ông Dương Trung H.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn T không phải chịu, Ông T được nhận lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0001056 ngày 19/8/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không đề cập giải quyết có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án, ngày 10/01/2025.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang;
- Chi cục THADS thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lê Thị Thọ

